

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG HUNG VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG HUNG VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG VIET CONSTRUCTION AND CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUNG VIET CAC., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107254286

**3. Ngày thành lập:** 16/12/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11, ngõ 318/189/15, phố Ngọc Trì, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948 852 099

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 2.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220        |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4290        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông<br>- Thiết kế công trình cầu đường bộ, đường bộ;<br>- Khảo sát địa hình<br>- Dịch vụ tư vấn đấu thầu bao gồm các hoạt động sau: Lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Khảo sát, lập thiết kế, dự toán, lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thẩm tra, thẩm định, giám sát; quản lý dự án, đào tạo, chuyển giao công nghệ; | 7110(Chính) |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7120        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HÒA    | Thôn Động Giã, Xã Đỗ Động, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 9.500      | 950.000.000           | 50        | 112297162                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 9.500      | 950.000.000           | 50        |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI ĐỨC THUẬN     | Thôn Duyên Dương, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 7.600      | 760.000.000           | 40        | 125028093                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 7.600      | 760.000.000           | 40        |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN PHAN QUANG | Thôn Chùa Tổng, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 1.900      | 190.000.000           | 10        | 111500034                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 1.900      | 190.000.000           | 10        |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: BÙI ĐỨC THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 27/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125028093

Ngày cấp: 23/02/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Duyên Dương, Xã Phú Hòa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 11, ngõ 318/189/15, phố Ngọc Trì, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội